

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày: 03/3/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sỹ Sự

Bà Ngô Thị Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn Linh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Thiệu Khắc T; sinh năm: 1989; tại: Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Tổ xx, phường H, T phố T, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thiệu Khắc Nguyên và bà Vũ Thị Hồng M; có vợ là Đặng Thị Thu T, sinh năm: 1988 (đã ly hôn) và 02 người con, sinh năm 2008 và năm 2012; tiền án, tiền sự: không; Bị tạm giữ, giam từ ngày 12/11/2019. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Lâm Hà. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại

+ Chị K'T, sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Lê Trọng Hiếu, sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Công T2, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Huy H, sinh năm: 1984.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1980.

Nơi cư trú: Xóm x, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

+ Anh Vũ Văn N, sinh năm 2003.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người đại diện hợp pháp cho anh Vũ Văn N:

+ Bà Trần Thị X, sinh năm: 1982.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 11/2018, Thiệu Khắc T và chị K' T cùng chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà của chị K' nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 14/10/2019, do không có tiền để trả góp hàng tháng cho xe mô tô Exciter mà chị K'T và T đã mua chung nên T và chị K' T đem cầm cố sợi dây chuyền 03 chỉ vàng loại 24K -9999 là tài sản riêng của chị K' T đến tiệm vàng Kim Ngọc lấy 3.000.000đồng. T là người trực tiếp vào cầm cố, còn chị K' T đứng ngoài. Sau khi cầm cố xong, T cầm 3.000.000đồng đưa cho chị K'T còn giấy cầm cố T giữ, sau đó cả hai cùng đi về. Ngày 21/10/2019, do không có tiền tiêu xài nên T đã tự ý một mình mang giấy cầm cố đến tiệm vàng với ý định bán sợi dây chuyền vàng trên và không nói cho chị K'T biết. T đã bán cho tiệm vàng 02 chỉ vàng với số tiền 8.100.000đồng, T trả cho tiệm vàng 3.030.000đồng tiền gốc và lãi, còn 5.070.000đồng và 01 chỉ vàng T mang về. Sáng ngày 22/10/2019, T lại tiếp tục tự ý mang 01 chỉ vàng còn lại ra tiệm vàng Kim Ngọc bán với số tiền 4.100.000đ. Tổng số tiền bán 03 chỉ vàng trên là 9.170.000đồng, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Sáng ngày 23/10/2019, khi chị K'T đi làm, T ở nhà một mình, thấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát: 49D1 - 49.445 là tài sản riêng của chị K' T để tại nhà nên T đã nảy sinh ý định mang đi cầm cố. T đi vào phòng ngủ lục lọi tìm kiếm lấy giấy đăng ký xe mô tô trên mang tên K' T. Do không có chứng minh nhân dân nên T đã gọi điện cho Nguyễn Văn T1 là cậu họ nhờ đem chiếc xe mô tô trên đi cầm cố. T nói với T1 đây là xe của vợ T nên cả

hai đến tiệm cầm đồ Hoàng Dương do anh Nguyễn Huy H làm chủ cầm được 9.000.000đồng. T1 là người trực tiếp cầm cố và giữ giấy cầm cố, sau khi cầm cố được xe T1 đưa lại toàn bộ số tiền cầm cố được cho T và T sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết, không chia cho T1. Đến ngày 04/11/2019, do không có tiền để lấy xe nên T gọi điện cho T1 bán đứt chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 49D1 - 49.445 trên được bao nhiêu tiền thì T cho T1 sử dụng đi về quê. Sau đó T1 nhờ Lê Trọng H là bạn chơi game với T1 đi bán hộ xe mô tô trên. T1 đưa cho H giấy tờ cầm cố, H giới thiệu cho Vũ Văn N, rồi N giới thiệu cho Nguyễn Công T2 là chú của N để mua xe mô tô trên. T2 đồng ý mua xe và đưa cho N 10.000.000đồng đến tiệm cầm đồ chuộc xe với giá 9.380.000đồng, số tiền còn lại N về đưa lại cho T2. Sau đó N và H đưa xe về cho T2 thì T2 có đưa thêm cho H 1.000.000đồng. H về đưa cho T1 1.000.000đồng trên thì T1 cho H 200.000đồng tiền công bán xe, số còn lại T1 tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 13/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố hình sự huyện Lâm Hà kết luận mô tô Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 49D1 - 49.445 có giá trị là 17.440.000 đồng.

Ngày 14/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố hình sự huyện Lâm Hà kết luận 03 chỉ vàng loại 24K - 9999 của chị K' T có giá trị là: 12.492.000đ.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà để xét xử bị can Thiệu Khắc T về tội: “Trộm cắp tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, không khiếu nại hay thắc mắc gì về nội dung bản cáo trạng.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Thiệu Khắc T về tội: “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Thiệu Khắc T từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 09 đến 12 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa chị K'T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đặt ra để xem xét giải quyết. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Công

T2 số tiền 5.000.000đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lâm Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Thiệu Khắc T đã khai nhận: Giữa chị K'T và bị cáo sống chung với nhau như vợ chồng, do cần tiền để trả góp hàng tháng chiếc xe mua chung giữa bị cáo và chị K'T nên vào 14/10/2019, bị cáo và chị K'T đã đem sợi dây chuyền 03 chỉ vàng loại 24K - 9999 là tài sản riêng của chị K'T đi cầm cố tại tiệm vàng để lấy tiền. Bị cáo là người trực tiếp vào cầm cố sợi dây chuyền, sau đó bị cáo giao tiền cho chị K'T, còn bị cáo cầm giấy tờ cầm cố. Lợi dụng sự tin tưởng của chị K'T để cho bị cáo cầm giấy tờ cầm cố tài sản nên vào các ngày 21/10/2019 và ngày 22/10/2019 do không có tiền tiêu xài nên bị cáo đã liên tiếp hai lần tự ý mang giấy cầm cố bán toàn bộ 03 chỉ vàng đã cầm cố. Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 03 chỉ vàng loại 24K - 9999 theo định giá của cơ quan chuyên môn có giá trị là 12.492.000đồng. Đến ngày 23/10/2019 lợi dụng lúc chị K'T đi làm không có ở nhà, bị cáo lại lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 49D1 - 49.445 của chị K'T đem cầm cố lấy tiền tiêu xài, chiếc xe mô tô bị cáo trộm cắp theo định giá của cơ quan chức năng có giá trị là 17.440.000đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt và trộm cắp là 29.932.000đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng các tài liệu chứng cứ khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Thiệu Khắc T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo được thực

hiện với lỗi cố ý, bị cáo nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì muốn có tiền chơi game và tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại giao giấy cầm cố tài sản đi bán toàn bộ tài sản là 03 chỉ vàng loại 24K - 9999. Ngoài ra bị cáo còn có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 49D1 - 49.445 bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng hành vi đã thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời tác động xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm mới đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét đến nhân thân bị cáo là người dân lao động chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, sau khi phạm tội bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú và tại phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo bị xét xử cùng 1 lần hai tội nên áp dụng khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với từng tội đang bị xét xử và tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội đối với bị cáo. Xét thấy, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là không phù hợp. Bởi vì, bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, một lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tất cả các lần đều đủ yếu tố cấu T tội phạm nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà.

Căn cứ tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo có điều kiện rèn luyện bản thân, cải tạo, giáo dục bị cáo trở T công dân lương thiện, sống biết tuân thủ pháp luật cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị K'T là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 49D1 - 49.445 và 03 chỉ vàng loại 24K – 9999. Cơ quan điều tra đã lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 49D1 - 49.445 cho chị K'T nên chị K'T không có yêu cầu gì. Đối với 03 chỉ vàng loại 24K – 9999 bị cáo chiếm đoạt của chị K'T, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay chị K'T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường 03 chỉ vàng loại 24K – 9999 nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị K'T và không đặt ra để xem xét giải quyết về trách

nhiệm dân sự của bị cáo đối với tài sản này. Đối với anh Nguyễn Công T2 là người mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 49D1 - 49.445, khi mua anh T2 không biết chiếc xe trên là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Trong quá trình điều tra, anh T2 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.380.000đồng là số tiền anh T2 sử dụng để mua chiếc xe trên. Tại phiên tòa, bị cáo xin lỗi anh T2 và đề nghị bồi thường 5.000.000đồng, anh T2 đồng ý và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000đồng nên ghi nhận. Đối với số tiền 1.000.000đồng anh T2 đưa cho anh Lê Trọng H, sau khi được anh H giới thiệu việc bán xe, anh T2 không yêu cầu anh H bồi thường cho anh T2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của anh T2 và không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra có tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 49D1 - 49.445, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị K'T việc Cơ quan điều tra trả lại tài sản trên là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Đối với anh Nguyễn Văn T1 là người đi cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius RC biển kiểm soát 49D1 - 49.445 cho anh Nguyễn Huy H, khi cầm cố và nhận cầm cố chiếc xe máy trên anh T1 và anh H đều không biết chiếc xe mô tô trên là do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình. Anh Lê Trọng H và anh Vũ Văn N là người giới thiệu bán xe cho anh Nguyễn Công T2, khi giới thiệu việc bán xe cũng như mua xe anh H, anh N và anh T2 đều không biết chiếc xe trên là do phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thiệu Khắc T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Thiệu Khắc T 09 (Chín) tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” và 09 (Chín) tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2019.

2. Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Công T2 số tiền là 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án khi án đã có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (03/3/2020), riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Lâm Hà;
- Thi hành án huyện Lâm Hà;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS -

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy

